TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Luốc.
2. Ông Võ Văn Châu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Kim N - Sinh năm 1998 - Địa chỉ: Ấp 1, xã Bình Hòa Nam, huyện Đ, tỉnh A. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09-9-2021).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng N1 - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: Ấp 1, xã Bình Hòa Hưng, huyện Đ, tỉnh A. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07-9-2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-3-2021, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Đào Thị Kim N trình bày: bà N và ông Lê Hoàng N1 cưới nhau năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 03-3-2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Hòa Hưng, huyện Đ, tỉnh A. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Bà N và ông N1 đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Bà N và ông N1 có một con chung tên Lê Đào Chánh H, sinh ngày 08-5-2018. Hiện con chung đang sống với bà N. Bà N và ông N1 không có tài sản chung và không có nợ chung. Về hôn nhân: bà N yêu cầu ly hôn với ông N1. Về con chung: Bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng

nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ: bà N cho rằng không có tài sản chung, không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Theo bản tự khai ngày 07-9-2021, ông Lê Hoàng N1 trình bày phù hợp với bà N về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời san sống ly thân, con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hôn nhân, ông N1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Về con chung, ông N1 đồng ý để bà N trực tiếp nuôi con chung, ông N1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Đào Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lê Hoàng N1. Ông N1 cư trú tại huyện Đ, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông N1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà N và ông N1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N: bà N và ông N1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 03-3-2017 tại UBND xã Bình Hòa Hưng, huyện Đ, tỉnh A nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà N và ông N1 đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà N yêu cầu ly hôn, ông N1 cũng đồng ý ly hôn, không có cơ hội cho bà N và ông N1 đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà N và ông N1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: con chung tên Lê Đào Chánh H (sinh ngày 08-5-2018), hiện đang do bà N nuôi dưỡng. Bà N và ông N1 đều trình bày để bà N trực tiếp nuôi con chung, ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông N1 cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng

được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp. Ông N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim N đối với ông Lê Hoàng N1 về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: Cho bà Đào Thị Kim N được ly hôn với ông Lê Hoàng N1.

Về con chung: bà Đào Thị Kim N được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Đào Chánh H (sinh ngày 08-5-2018). Hiện con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận tạm thời việc ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà N và ông N1 được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số 0009195 ngày 12-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Hưng (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.